

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2017/HNGĐ-ST
Ngày 18-9-2017.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghện.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Phước;
2. Ông Trần Ái Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Như Nguyễn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 418/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1984; Có mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Phúc K, sinh năm 1985; Vắng mặt.

Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 20, ấp HL, xã AH, huyện TB, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 6 năm 2017 của nguyên đơn - chị D và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị D trình bày:

Chị và anh K chung sống với nhau vào ngày 09-5-2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 38 ngày 19-5-2008 tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định. Chị và anh K chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh K không lo làm kinh tế gia đình, không quan tâm đến cuộc sống của vợ con, anh K cho rằng chị

không chung thủy nên thường kiếm chuyện gây gỗ, đánh chị, dùng dao đe dọa giết chị, đòi đốt nhà. Chị và anh K tuy còn sống chung nhà nhưng đã ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay.

Chị thấy tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Về con chung: Chị và anh K có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo L, sinh ngày 18-6-2008, cháu L đang sống với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu L và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 700.000 đồng.

Về tài sản chung: 01 căn nhà mái tole, vách tường, cửa sắt, nền gạch men, diện tích (5,5m x 20m), xây dựng vào năm 2011, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh K trình bày:

Anh thống nhất với lời trình bày của chị D về thời gian chung sống, việc đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung là đúng.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính chất công việc của anh thường xuyên đi sớm về muộn nên chị D cho rằng anh không quan tâm đến vợ con. Bên cạnh đó anh còn phát hiện chị D chụp hình chung với một người đàn ông khác nên anh không đồng ý, từ đó vợ chồng thường xuyên gây gỗ.

Anh không đồng ý ly hôn với chị D.

Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, anh đồng ý giao con chung là cháu L, sinh ngày 18-6-2008 cho chị D nuôi, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, nợ riêng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự.

Nguyên đơn – chị D: Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn – anh K: Không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật: Được Tòa án triệu tập tập hợp lệ nhưng cố tình vắng mặt không tham gia phiên họp, hòa giải.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình xem xét quyết định:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị D đối với anh K.

Về con chung: Giao con chung cho chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 700.000 đồng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh K vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị D và anh K chung sống với nhau vào ngày 09-5-2008, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 38 ngày 19-5-2008 tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện TS, tỉnh Bình Định.

Chị D và anh K chung sống hạnh phúc đến tháng 5 năm 2009 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân: Do anh K cho rằng chị D không chung thủy nên thường kiếm chuyện gây gổ, đánh chị D. Chị D và anh K sống chung nhà nhưng đã ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu ly hôn, anh K không đồng ý ly hôn với chị D.

Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân của chị D và anh K lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D đối với anh K theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét thấy cháu L, sinh ngày 18-6-2008 do chị D đang nuôi dưỡng. Hiện tại, cháu L phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cháu L có nguyện vọng được sống cùng chị D, anh K đồng ý giao cháu L cho chị D nuôi dưỡng và chị D đang có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, có cơ sở giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu L là phù hợp với Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 700.000 đồng nhưng anh K không đồng ý. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình buộc anh K cấp dưỡng nuôi cháu L mỗi tháng số tiền 700.000 đồng.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Như phân tích trên, đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị D được ly hôn anh K.

2. Về con chung: Giao chị D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, sinh ngày 18-6-2008.

Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng kể từ ngày 18-9-2017 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Anh K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị D và anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

4.1. Về án phí: Chị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 0009047 ngày 06-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; chị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Anh K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đối với đương sự vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện TB;
- Chi cục THADS huyện TB;
- UBND xã TG;
- Lưu: án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Thị Nghện